

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYỂN TIẾP LÊN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 869/QĐ-ĐHCT ngày 30 tháng 3 năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

Ngành học: **Hệ thống thông tin (Information System)**

Mã ngành: 7480104

Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 4,5 năm

Danh hiệu: Kỹ sư

Đơn vị quản lý: Bộ môn Hệ thống thông tin, Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông

## 1. Mục tiêu đào tạo

- a. Đào tạo kỹ sư có phẩm chất đạo đức.
- b. Tư duy, kiến thức chuyên môn cần thiết về CNTT và các lĩnh vực liên quan như kinh tế, quản lý.
- c. Thành công trong vị trí chuyên gia về Hệ thống thông tin ở các cơ quan, tổ chức thuộc hoạt động trong các môi trường khác nhau như giáo dục, hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp.

## 2. Chuẩn đầu ra

### 2.1. Kiến thức

#### 2.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

- a. Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- b. Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- c. Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh/tiếng Pháp tương đương trình độ A Quốc gia.
- d. Có kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.

#### 2.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

- a. Kiến thức về các giải pháp đảm bảo an toàn hệ thống thông tin, an toàn mạng máy tính.
- b. Kiến thức cơ sở ngành để SV có thể thực hiện tư vấn, thiết kế các giải pháp CNTT phục vụ tin học hóa quản lý trong doanh nghiệp, tổ chức.
- c. Kiến thức liên ngành về hệ thống thông tin trong doanh nghiệp; Có hiểu biết nhất định về các giải pháp khai phá dữ liệu liên quan đến các hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh.

#### 2.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

- a. Kiến thức chuyên ngành, liên ngành để xây dựng, phát triển, quản trị các loại hệ thống thông tin như: hệ thống thông tin quản lý, hệ thống thông tin địa lý, hệ thống thương mại điện tử, giáo dục điện tử.
- b. Kiến thức về quy trình phát triển một hệ thống thông tin.
- c. Kiến thức về phân tích thiết kế hệ thống.
- d. Kiến thức về tích hợp hệ thống.

### 2.2. Kỹ năng

#### 2.2.1. Kỹ năng cứng

- a. Ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại cho quá trình xây dựng, phát triển hệ thống thông tin.
- b. Sử dụng, quản trị các hệ quản trị CSDL quan hệ, CSDL địa lý thông dụng, các công cụ hỗ trợ phân tích thiết kế.
- c. Thu thập, đặc tả và kiểm thử yêu cầu người dùng.

### 2.2.2. Kỹ năng mềm

- Thuyết trình, trình bày ý tưởng; viết báo cáo, thiết lập và bảo vệ dự án.
- Làm việc nhóm, tổ chức, phân công điều phối công việc giữa các thành viên.
- Xây dựng, phát triển tổ nhóm tư vấn triển khai, áp dụng hệ thống thông tin tại đơn vị.
- Giao tiếp thông dụng bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp. Đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.

### 2.3. Thái độ

- Có phẩm chất chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức xã hội và đạo đức nghề nghiệp phục vụ sự phát triển của quốc gia và của nền kinh tế toàn cầu.
- Xây dựng ý thức, thái độ tự học nâng cao trình độ.

### 3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Lập trình viên trong các công ty sản xuất phần mềm
- Chuyên viên tư vấn, thiết kế giải pháp CNTT trong các công ty tư vấn, thiết kế giải pháp về CNTT cho doanh nghiệp, tổ chức.
- Chuyên gia phân tích thiết kế hệ thống trong các công ty sản xuất phần mềm.
- Giảng viên CNTT tại các trường Cao đẳng, Đại học.

### 4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực Hệ thống thông tin và các lĩnh vực khác có liên quan.
- Đáp ứng được yêu cầu học tập ở các trình độ sau đại học trong lĩnh vực Hệ thống thông tin và một số lĩnh vực có liên quan.

### 5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo

Curriculum Guidelines for Undergraduate Degree Programs in Information Systems, 2010.

### 3. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết
<b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b>								
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2 +3(*)	1+1+1		3		90	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60		
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032
12	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45		
13	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004
14	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		XH005
15	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	3			45		XH006
16	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		45		FL004	
17	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	4		60		FL005	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15		
19	TN034	TT.Tin học căn bản (*)	2	2			60	
20	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2		30		
21	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3		45		ML009

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết
22	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML010
23	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML006
24	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30		
25	ML007	Logic học đại cương	2			30		
26	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam				30		
27	XH012	Tiếng Việt thực hành	2		2	30		
28	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30		
29	XH028	Xã hội học đại cương	2			30		
30	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20	
31	TN001	Vi – Tích phân A1	3	3		45		
32	TN002	Vi – Tích phân A2	4	4		60		TN001
33	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45		
34	TN012	Đại số tuyến tính và hình học	4	4		60		
35	CT101	Lập trình căn bản A	4	4		30	60	
<b>Cộng : 56 TC (Bắt buộc 41 TC; Tự chọn 15 TC)</b>								
<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>								
36	CT172	Toán rời rạc	4	4		60		
37	CT103	Cấu trúc dữ liệu	4	4		45	30	CT101
38	CT179	Quản trị hệ thống	3		N1	30	30	
39	CT187	Nền tảng công nghệ thông tin	3			30	30	
40	CT183	Anh văn chuyên môn CNTT 1	3		N1	45		XH025
41	CT184	Anh văn chuyên môn CNTT 2	3		N2	45		CT183
42	CT185	Pháp văn chuyên môn CNTT 1	3		N2	45		XH006
43	CT186	Pháp văn chuyên môn CNTT 2	3		N3	45		CT185
44	CT173	Kiến trúc máy tính	3	3		45		
45	CT178	Nguyên lý hệ điều hành	3	3		30	30	
46	CT112	Mạng máy tính	3	3		30	30	CT178
47	CT171	Nhập môn công nghệ phần mềm	3	3		30	30	
48	CT176	Lập trình hướng đối tượng	3	3		30	30	CT101
49	CT175	Lý Thuyết đồ thị	3	3		30	30	CT103
50	CT174	Phân tích và thiết kế thuật toán	3	3		30	30	CT103
51	CT180	Cơ sở dữ liệu	3	3		30	30	CT103
52	CT182	Ngôn ngữ mô hình hóa	3	3		30	30	
53	CT181	Hệ thống thông tin doanh nghiệp	3	3		30	30	
54	CT311	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2		30		
<b>Cộng : 46 TC (Bắt buộc 40 TC; Tự chọn 6 TC)</b>								
<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>								
55	CT252	Niên luận cơ sở ngành hệ thống thông tin	3	3			135	
56	CT253	Quản trị yêu cầu người dùng	3	3		30	30	
57	CT109	Phân tích & thiết kế hệ thống thông tin	3	3		30	30	CT180
58	CT205	Quản trị cơ sở dữ liệu	3	3		30	30	CT180
59	CT430	Phân tích hệ thống hướng đối tượng	3	3		30	30	CT182
60	CT251	Phát triển ứng dụng trên Windows	3	3		30	30	CT180, CT176
61	CT428	Lập trình Web	3	3		30	30	CT180, CT176
62	CT273	Giao diện người - máy	3	3		30	30	CT109
63	CT254	Bảo mật, an toàn hệ thống thông tin	3	3		30	30	CT109
64	CT255	Nghiệp vụ thông minh (Business Intelligence)	3	3		30	30	CT109
65	CT256	Tổng quan về hệ thống thông tin địa lý	3		CN1	30	30	CT180
66	CT257	Xây dựng hệ thống thông tin địa lý	3		hoặc	15	60	CT256, CT109
67	CT272	Thương mại điện tử-CNTT	3		CN2	30	30	
68	CT258	Phát triển hệ thống thương mại điện tử	3		hoặc	15	60	CT272, CT109
69	CT259	Tổng quan về hệ thống e-Learning	3		CN3	45		
70	CT260	Xây dựng hệ thống e-Learning	3		hoặc	15	60	CT259, CT109
71	CT261	Tổng quan hệ hỗ trợ ra quyết định	3		CN4	30	30	CT180

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	
72	CT262	Phát triển hệ thống thông tin quản lý	3			25	40	CT261, CT109	
73	CT451	Thực tập thực tế - HTTT	2	2			60	≥120 TC, CT109, CT430, CT251, CT428	
74	CT263	Niên luận ngành hệ thống thông tin	3	3			90	CT109, CT430	
75	CT264	Cơ sở dữ liệu phân tán	2	2		30		CT180	
76	CT591	Luận văn tốt nghiệp – HTTT	10		10T C		300	≥ 120 TC	
77	CT461	Tiểu luận tốt nghiệp – HTTT	4				120	≥ 120 TC	
78	CT265	Hệ cơ sở dữ liệu đa phương tiện	3			30	30	CT180	
79	CT266	Lập trình Game	3			30	30	CT251, CT428	
80	CT274	Lập trình cho thiết bị di động	3			30	30	CT176	
81	CT267	XML	3			30	30	CT180	
82	CT207	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3			30	30	CT176	
83	CT268	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server	3			30	30	CT180	
<b>Cộng : 53 TC (Bắt buộc 37 TC; Tự chọn 16 TC)</b>									
<b>Tổng cộng- 155 TC (Bắt buộc: 118 TC; Tự chọn: 37 TC)</b>									

(\*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

## 7. Kế hoạch đào tạo

Chương trình đào tạo chuyển tiếp gồm có 2 giai đoạn.

### 7.1 Giai đoạn 1

7.1.1 Tổ chức đào tạo: Đào tạo tập trung tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Vĩnh Long.

7.1.2 Thời gian đào tạo: 1 năm.

#### 7.1.3 Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết
<b>Học kỳ 1 (12 đến 13 TC)</b>								
1	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2		30		
2	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4-3	60		
	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45		
3	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30		
4	XH028	Xã hội học đại cương	2		2	30		
5	TN033	Tin học căn bản	1	1		15		
6	TN034	TT. Tin học căn bản	2	2			60	
<b>Học kỳ 2 (16 TC)</b>								
7	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3		45		ML009
8	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH023
	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004
9	TN001	Vi – Tích phân A1	3	3		45		
10	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45		
11	TN012	Đại số tuyến tính và hình học	4	4		60		

Ghi chú: Sinh viên chọn tích lũy học phần Anh văn căn bản 1 (XH023) hoặc học phần Pháp văn căn bản 1 (XH004)

#### 7.1.4 Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của giai đoạn 1

Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện được thực hiện theo Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về công tác học vụ của Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT).

Kết thúc thời gian đào tạo giai đoạn 1, sinh viên được cấp bằng kết quả học tập giai đoạn 1 bao gồm: kết quả học tập học phần, điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy các học phần thuộc CTĐT giai đoạn 1 (theo thang điểm 10 và thang điểm 4) và điểm rèn luyện.

## 7.2 Giai đoạn 2

### 7.2.1 Điều kiện chuyển tiếp giai đoạn 2

Điều kiện về kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên khi kết thúc giai đoạn 1 để được xem xét chuyển tiếp vào giai đoạn 2 như sau:

- Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo (CTĐT) giai đoạn 1 đúng thời gian quy định và có điểm trung bình chung tích lũy từ 2,5 điểm trở lên (theo thang điểm 4) thì đủ điều kiện về học tập để được tiếp tục theo học giai đoạn 2 CTĐT chuyển tiếp trình độ đại học theo hình thức giáo dục chính quy tại Trường ĐHCT.
- Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo giai đoạn 1 đúng thời gian quy định và có điểm trung bình chung tích lũy từ 2,0 điểm trở lên (theo thang điểm 4) thì đủ điều kiện về học tập để được tiếp tục theo học giai đoạn 2 của CTĐT chuyển tiếp trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học hoặc đào tạo từ xa của Trường ĐHCT.
- Sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy dưới 2,0 điểm (theo thang điểm 4) thì được tiếp tục theo học CTĐT cao đẳng tại Trường Cao đẳng Cộng đồng (CĐCĐ) Vĩnh Long.
- Sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và không bị xếp loại rèn luyện năm học yếu, kém.

### 7.2.2 Tổ chức đào tạo

- Đại học hệ chính quy: đào tạo tập trung tại Trường ĐHCT theo quy định đào tạo đối với hình thức giáo dục chính quy của Trường ĐHCT.
- Đại học hệ vừa làm vừa học và đào tạo từ xa: đào tạo tại Trường CĐCĐ Vĩnh Long theo quy định đào tạo đối với hình thức vừa làm vừa học hoặc đào tạo từ xa của Trường ĐHCT.

7.2.3 Thời gian đào tạo: 3,5 năm (thời gian tối đa để hoàn thành CTĐT chuyển tiếp là 8 năm).

7.2.4 Chương trình đào tạo: Các học phần chưa tích lũy thuộc CTĐT chuyển tiếp.

### 7.1.5 Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của giai đoạn 2

Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện được thực hiện theo Quy định về công tác học vụ của Trường ĐHCT.

Hoàn thành CTĐT giai đoạn 2 theo đúng quy định đào tạo đại học của Trường ĐHCT, sinh viên được cấp bằng kết quả học tập toàn khóa học.

### 7.1.6 Văn bằng tốt nghiệp

Hoàn thành CTĐT giai đoạn 2 theo đúng quy định đào tạo đại học của Trường ĐHCT, sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp đại học phù hợp với hình thức đào tạo:

- Đào tạo hệ chính quy: Bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy.
- Đào tạo hệ vừa làm vừa học: Bằng tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học.
- Đào tạo từ xa: Bằng tốt nghiệp đại học đào tạo từ xa.

BAN GIÁM HIỆU  
HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG KH VÀ ĐT  
CHỦ TỊCH

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TT  
TRƯỞNG KHOA



Hà Thanh Toàn

Lê Việt Dũng

Trần Cao Đệ